

Số: 794/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 62/BC-BXD ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 1415/TTr-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô nghiên cứu

Theo Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng có diện tích khoảng 30.130 ha, phạm vi ranh giới bao gồm 37 xã và 03 thị trấn (một phần hoặc toàn bộ) các xã biên giới từ xã Đức Long huyện Thạch An đến xã Càn Nông của huyện Thông Nông.

2. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030;

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng;



- Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng thành một khu kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, có tầm quốc tế, là một cực tăng trưởng quan trọng - trung tâm phát triển kinh tế của vành đai kinh tế biên giới phía Bắc, trở thành động lực phát triển mạnh của vùng Đông Bắc.

- Phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn an ninh trật tự vùng biên giới, khắc phục các vấn đề tồn tại về hợp tác quản lý biên giới, phát triển biên mậu Việt - Trung, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hoá - xã hội và đảm bảo vùng biên giới hoà bình, hữu nghị, cùng nhau phát triển.

- Tổ chức không gian kiến trúc và quy hoạch sử dụng đất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

4. Tính chất

- Là một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc.

- Là khu kinh tế cửa khẩu đa ngành, đa lĩnh vực, điểm đột phá về kinh tế của tỉnh Cao Bằng và các tỉnh trung du miền núi phía Bắc.

- Là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh phía Bắc và có khả năng gắn kết được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng trung du miền núi phía Bắc.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.

5. Quan điểm

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng gắn liền với việc xây dựng và phát triển mối quan hệ chính trị hữu nghị, ổn định, bền vững của Việt Nam với Trung Quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước qua khu kinh tế cửa khẩu.

6. Dự báo quy mô dân số và đất đai

- Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030: Khoảng 110.000 người - 115.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 30.000 - 35.000 người. Đến năm 2040: Khoảng 125.000 người - 130.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 50.000 - 55.000 người.

- Dự báo quy mô đất đai: Đất các khu vực cửa khẩu 1.500 - 2.500 ha; đất xây dựng các khu vực phát triển đô thị khoảng 2.000 - 3.000 ha; đất xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp 1.000 - 1.500 ha; đất các khu dịch vụ, du lịch khoảng 2.000 - 3.000 ha; đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 2.000 - 3.000 ha.

(Các kết quả dự báo về quy mô có thể thay đổi trong quá trình nghiên cứu luận cứ quy hoạch).

7. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

a) Phân tích và đánh giá hiện trạng

- Đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế; dân cư, lao động, điều kiện sống của nhân dân biên giới, nhu cầu phát triển thực tiễn dẫn đến sự cần thiết lập quy hoạch chung; hiện trạng sử dụng đất đai. Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Đánh giá hiện trạng đầu tư, tình hình triển khai các đồ án quy hoạch và dự án đầu tư có liên quan đã được phê duyệt. Đánh giá sự phù hợp của các quy hoạch, dự án đang và dự kiến đầu tư.

- Đánh giá chung về thực trạng và xu hướng phát triển phía Trung Quốc có tiếp giáp chung đường biên giới có liên quan tới khu kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại, du lịch, hạ tầng, phát triển đô thị và nông thôn.

- Đánh giá tổng hợp các vấn đề hiện trạng, đề xuất các vấn đề cần giải quyết và thể mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

b) Phân tích vị thế và bối cảnh phát triển vùng

Phân tích được vị thế trong vai trò đầu mối giao thông, trao đổi hàng hóa liên vùng của khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đối với vành đai kinh tế biên giới Việt Trung, với Trung Quốc chủ yếu thông qua 2 tuyến hành lang (Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và hành lang kinh tế dự kiến: Trùng Khánh - Quý Châu - Bách Sắc - Cao Bằng - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phân tích mối liên hệ tương hỗ giữa Khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng với các khu vực kề cận, nghiên cứu quan hệ đối ngoại với các trung tâm kinh tế lớn của tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc.

c) Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Dự báo phát triển về kinh tế - xã hội, dân số, động lực phát triển, dự báo sự thay đổi của môi trường tự nhiên do sự tác động của đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội, dự báo nhu cầu sử dụng đất, quy mô các khu chức năng



của khu kinh tế cửa khẩu theo từng giai đoạn, dự báo các chỉ tiêu kinh tế áp dụng cho khu vực. Xác định các tiềm năng và động lực chính để phát triển khu kinh tế cửa khẩu.

d) Định hướng phát triển không gian

- Xác định tầm nhìn của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2050.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực.

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị đến năm 2040:

+ Nghiên cứu, rà soát, kế thừa hợp lý các quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành liên quan với Khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng đã được phê duyệt.

+ Đề xuất cấu trúc phát triển, định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan, các không gian trọng tâm (Khu vực cửa khẩu Tà Lùng, khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, khu vực cửa khẩu Sóc Giang, khu du lịch thác Bản Giốc...) và các vùng có chức năng hỗ trợ và dự trữ phát triển mở rộng trong tương lai. Khai thác hiệu quả các yếu tố tự nhiên, địa hình, điều kiện tự nhiên và tổ chức không gian Khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng.

+ Tổ chức các khu chức năng: Các khu vực xây dựng phát triển mới như: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu Logictis, khu phức hợp dịch vụ - du lịch, khu gia công chế biến, khu phi thuế quan, hệ thống các cửa khẩu, khu vực dân cư tái định cư. Nghiên cứu giải pháp cải tạo các khu vực dân cư hiện hữu, các khu chức năng vùng đệm hỗ trợ phát triển, các khu vực đô thị và nông thôn đảm bảo phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng.

đ) Quy hoạch sử dụng đất

- Đề xuất quy hoạch sử dụng đất cho các khu chức năng theo cấu trúc và phân khu đã lựa chọn. Xác định quỹ đất phù hợp cho các chức năng cửa khẩu, công nghiệp, du lịch, hỗ trợ phát triển đô thị - nông thôn, dịch vụ, tái định cư, nơi ở của lao động và chuyên gia, hệ thống cây xanh, hành lang cách ly phòng hộ đối với các tuyến hạ tầng và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Khoanh vùng bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể (Khu vực thác Bản Giốc, khu di tích lịch sử Pắc Bó...).

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển.

- Quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

- Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống công trình hạ tầng kinh tế xã hội bao gồm: công nghiệp, dịch vụ, du lịch, trụ sở làm việc, nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao,... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu kinh tế và theo các giai đoạn phát triển. Tổ chức mạng lưới trung tâm gồm hệ thống trung tâm điều hành, quản lý toàn bộ khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm thương mại, tài chính quốc tế, trung tâm công cộng, công viên, cây xanh, các trung tâm chuyên ngành khác.

- Định hướng quy hoạch bố trí các khu vực phục vụ sản xuất, dịch vụ kho bãi trung chuyên, dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục để đáp ứng nhu cầu sử dụng chung của khu kinh tế. Bố trí các chức năng dịch vụ hỗ trợ du lịch, tài chính để hỗ trợ phát triển dịch vụ du lịch.

- Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng đồng bộ, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân, du khách và lao động tại khu kinh tế, phù hợp với đặc điểm miền núi biên giới của khu kinh tế cửa khẩu.

g) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

+ Xác định hệ thống giao thông đối ngoại, đường bộ, các kết nối liên vùng; các đầu mối giao thông quan trọng; kết cấu hạ tầng thương mại; nghiên cứu đánh giá và kiến nghị điều chỉnh nếu cần các dự án nâng cấp quốc lộ 4A, quốc lộ 3, đường cao tốc Trà Lĩnh - Lạng Sơn, đường Hồ Chí Minh, đường vành đai biên giới.

+ Đề xuất các giải pháp quy hoạch mạng lưới giao thông nội bộ khu kinh tế cửa khẩu trong đó làm rõ quy hoạch mạng lưới giao thông của đô thị mới Phục Hòa, khu vực đô thị tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, Sóc Giang và các khu chức năng khác của khu kinh tế cửa khẩu.

+ Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bãi đỗ xe chính và phụ, cầu cống đường bộ, các giải pháp thiết kế theo các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển, đồng thời xác định mạng lưới giao thông đảm bảo việc lưu thông thuận tiện đối nội và đối ngoại.

+ Phân tích mô hình phát triển mạng lưới giao thông, tổ chức, phân loại phân cấp các tuyến giao thông, đảm bảo kết nối với các tuyến giao thông đối nội, đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của các khu vực.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng, các giải pháp phân lưu vực, thoát lũ... phù hợp với vùng núi cao.



- Cấp nước: Dự báo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất. Xác định nguồn cung cấp nước, giải pháp cấp nước sạch cho từng khu vực.

- Cấp điện: Dự báo nhu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất. Xác định nguồn cấp điện. Đề xuất lưới truyền tải và phân phối điện...

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định lưu vực, hệ thống thoát nước thải, giải pháp xử lý nước thải...; đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang; đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý chất thải rắn.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Đảm bảo đồng bộ, hiện đại và đáp ứng tiêu chuẩn.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

Nhận dạng và dự báo các tác động đến môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế xã hội gây ra. Khoanh định các vùng bảo vệ thiên nhiên, các vùng cảnh quan, khu vực cấm xây dựng, khu vực bảo tồn... khu vực bảo vệ nguồn nước sạch, xử lý chất thải rắn, bãi thải, vùng ảnh hưởng khói bụi, khí độc hại, tiếng ồn... Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

i) Lập quy định quản lý xây dựng khu du lịch theo quy hoạch: Đề xuất các quy chế kiểm soát phát triển khu du lịch, phù hợp đồ án quy hoạch, tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế.

k) Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện.

8. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan tổ chức lập và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập quy hoạch; phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng,
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Cao Bằng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, KGVX, NN, NC;
- Lưu: VT, CN (2b). 12

